

Thứ ba, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục đi ngang

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/8/2023		●	
Tuần 14/8-18/8/2023		●	
Tháng 08/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index hôm nay có diễn biến ảm đạm, đóng cửa tại 1,234.05, gần như không thay đổi so với hôm qua, thanh khoản thấp. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm, và dòng tiền có xu hướng tìm đến nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có giao dịch không mấy tích cực trong phiên hôm nay, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30 trừ VN30F2308. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/8/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

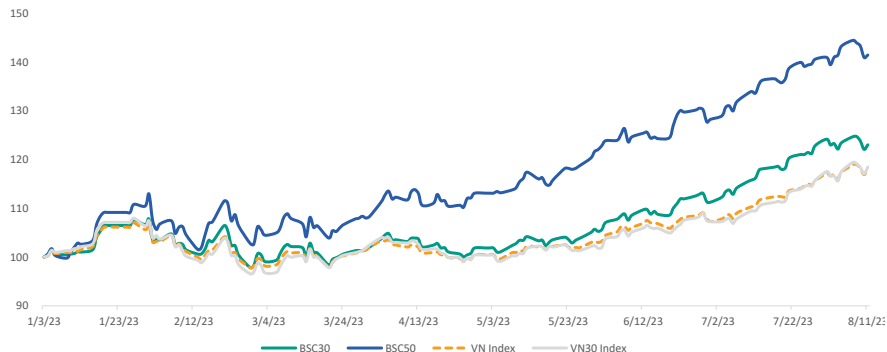
Điểm nhấn:

- VN-Index **-2.79** điểm, đóng cửa **1234.05** điểm. HNX-Index **+1.01** điểm, đóng cửa **251.45** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VRE (+0.59)**, **VHM (+0.56)**, **FPT (+0.45)**, **DGC (+0.29)**, **VJC (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.53)**, **BID (-0.77)**, **VNM (-0.32)**, **HPG (-0.3)**, **NVL (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,708** tỷ đồng, giảm **-19.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,214 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 8.84 điểm. Thị trường có **232** mã tăng, 78 mã tham chiếu, **221** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-540.09** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-132.34 tỷ)**, **VIC (-107.95 tỷ)**, **MSN (-85.27 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19.17** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.27%**. Các mã diễn biến tích cực: **DGC (+4.09%)**, **VRE (+3.30%)**, **VGC (+2.66%)**
- BSC50 **-0.15%**. Các mã diễn biến tích cực: **HSG (+2.49%)**, **TPB (+1.88%)**, **GEX (+1.77%)**

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1234.05**

Giá trị: 17707.85 tỷ **-2.79 (-0.22%)**

Khối ngoại (ròng): -540.09 tỷ

HNX-INDEX **251.45**

Giá trị: 2160.67 tỷ **1.01 (0.4%)**

Khối ngoại (ròng): -19.17 tỷ

UPCOM-INDEX **93.49**

Giá trị: 835.4 tỷ **0.03 (0.03%)**

Khối ngoại (ròng): -4.3 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	83.0	-1.67%
Giá vàng	1,912	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,881	0.14%
Tỷ giá EUR/VND	26,054	0.36%
Tỷ giá JPY/VND	16,441	0.33%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	0.18%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.11%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	77.81	VPB	-132.34
HSG	60.40	VIC	-107.95
DIG	42.06	MSN	-85.27
VGC	27.87	BCM	-73.00
NVL	27.05	SSI	-66.96

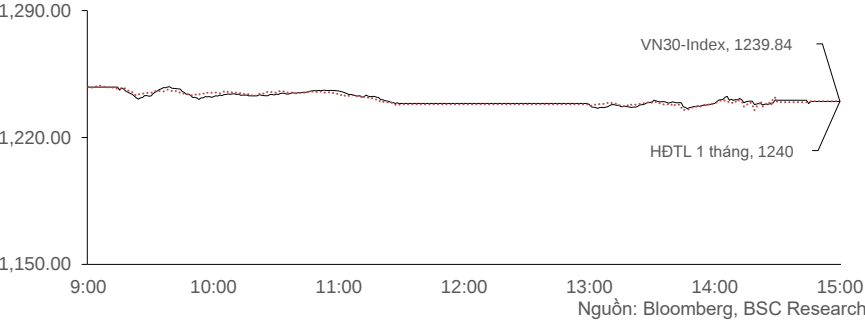
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1236.30	-0.30%	-4.94	2.4%	85	12/21/2023	130
VN30F2403	1231.10	-0.24%	-10.14	-60.0%	22	3/21/2024	221
VN30F2308	1241.00	0.15%	-0.24	-29.1%	148,019	8/17/2023	4
VN30F2309	1239.80	-0.07%	-1.44	-29.5%	5,705	9/21/2023	39

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -2.19 điểm xuống 1241.24 điểm, biên độ dao động 8.07 điểm. Các cổ phiếu như VIC, STB, ACB, HPG, và VNM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 ngấp trong sắc đỏ cả ngày và giảm nhẹ -0.18% so với phiên trước. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30 trừ VN30F2308. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm trừ VN30F2312 Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm trừ VN30F2309.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2216	31/8/2023	16	4:1	757,100	2.88%	31,000	300	25.00%	284	1.06	32,200	31,300	31,300
CFPT2210	31/8/2023	16	9:1	829,800	0.72%	77,379	840	23.53%	804	1.04	84,601	84,000	84,000
CVRE2221	1/11/2023	78	4:1	1,258,500	12.27%	32,500	660	20.00%	427	1.54	35,140	31,300	31,300
CVRE2302	30/10/2023	76	5:1	800,700	6.60%	28,666	940	17.50%	751	1.25	33,366	31,300	31,300
CVRE2305	1/12/2023	108	5:1	653,000	6.90%	27,111	1,270	14.41%	1,050	1.21	33,461	31,300	31,300
CVRE2304	2/10/2023	48	5:1	1,440,800	5.59%	29,999	610	12.96%	490	1.24	33,049	31,300	31,300
CVRE2307	26/2/2024	195	5:1	51,000	17.20%	30,333	1,270	11.40%	828	1.53	36,683	31,300	31,300
CVRE2306	1/3/2024	199	5:1	103,900	14.96%	29,333	1,330	10.83%	945	1.41	35,983	31,300	31,300
CVRE2308	26/6/2024	316	5:1	73,800	24.71%	31,333	1,540	10.00%	950	1.62	39,033	31,300	31,300
CVHM2219	5/9/2023	21	5:1	165,600	1.86%	56,000	1,370	9.60%	1,211	1.13	62,850	61,700	61,700
CFPT2303	9/11/2023	86	9:1	733,200	2.46%	73,940	1,410	8.46%	1,351	1.04	86,063	84,000	84,000
CPOW2306	26/6/2024	316	2:1	1,400	33.95%	15,999	1,310	8.26%	705	1.86	18,619	13,900	13,900
CMWG2304	2/1/2024	140	20:1	387,600	7.85%	33,676	1,240	7.83%	1,058	1.17	58,240	54,000	54,000
CFPT2214	1/11/2023	78	9:1	12,500	2.15%	65,343	2,380	7.69%	2,253	1.06	85,806	84,000	84,000
CPOW2305	26/2/2024	195	2:1	392,400	22.58%	14,999	1,020	7.37%	622	1.64	17,039	13,900	13,900
CTPB2302	2/10/2023	48	7:1	404,800	3.19%	14,215	750	7.14%	679	1.10	19,606	19,000	19,000
CFPT2213	5/9/2023	21	9:1	98,600	0.41%	64,053	2,360	6.79%	2,340	1.01	84,344	84,000	84,000
CVHM2216	31/8/2023	16	8:1	725,600	4.76%	62,000	330	6.45%	195	1.69	64,640	61,700	61,700
CPOW2304	25/3/2024	223	2:1	11,900	31.03%	16,333	940	5.62%	474	1.98	18,213	13,900	13,900
CPOW2309	17/5/2024	276	2:1	16,100	26.04%	14,500	1,510	5.59%	895	1.69	17,520	13,900	13,900

Tổng8,918,30011.41%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/8/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2216 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 25%. Giá trị giao dịch giảm -11.66%. CMBB2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.9%.
- CVIC2305, CTCB2212, CNVL2301, và CNVL2303 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2305, CNVL2302, CHPG2306, và CPDR2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CNVL2301, CNVL2303, CSTB2224, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	31.30	3.30	0.59	9.34MLN
VHM	61.70	0.82	0.56	5.69MLN
FPT	84.00	1.69	0.45	1.68MLN
DGC	76.40	4.09	0.29	6.39MLN
VJC	101.90	1.70	0.24	823200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	70.70	-3.55	-3	14.77MLN
BID	47.00	-1.26	-1	1.66MLN
VNM	72.80	-0.82	0	2.22MLN
HPG	27.95	-0.71	0	17.94MLN
NVL	20.75	-2.35	0	49.32MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	9.69	6.95	0.00	68100.00
FCM	6.02	6.93	0.00	295800
DRH	7.91	6.89	0.02	11.74MLN
HSL	9.00	6.89	0.01	417000
VID	6.52	6.89	0.00	287200

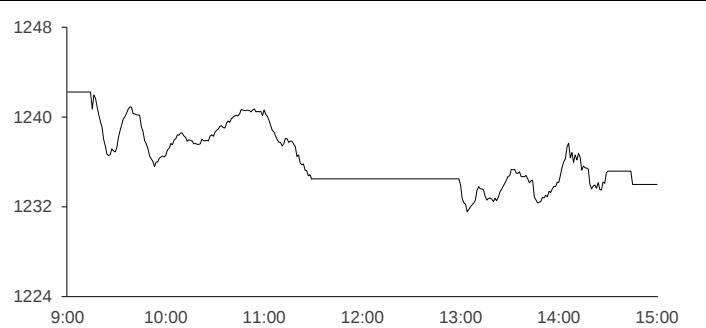
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	70.70	-3.55	-2.53	14.77MLN
BID	47.00	-1.26	-0.77	1.66MLN
VNM	72.80	-0.82	-0.32	2.22MLN
HPG	27.95	-0.71	-0.30	17.94MLN
NVL	20.75	-2.35	-0.25	49.32MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

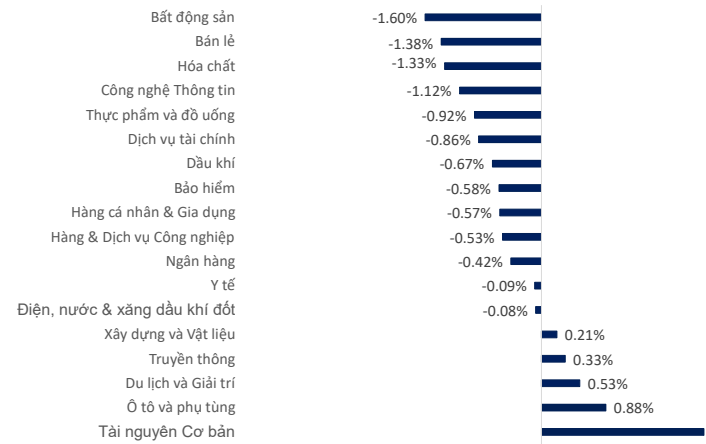
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	23.40	9.86	1.32	28.48MLN
L14	57.20	10.00	0.20	635900
HHC	131.00	9.17	0.16	100
IDC	49.30	0.82	0.15	3.90MLN
IDJ	8.20	7.89	0.14	7.50MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	16.00	-2.44	-0.37	972400
SHS	16.60	-1.19	-0.25	11.84MLN
HUT	27.00	-1.46	-0.22	3.07MLN
PVS	34.60	-1.14	-0.16	5.19MLN
THD	37.40	-0.53	-0.13	30100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

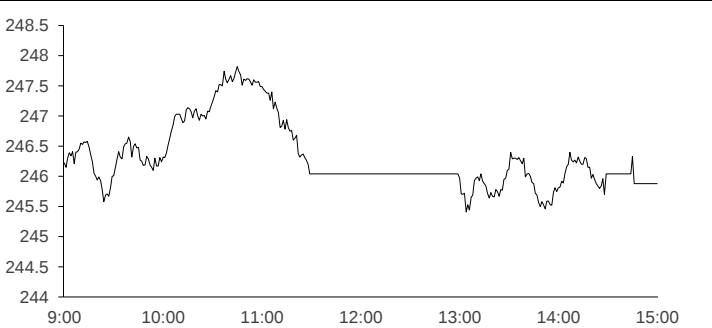
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
API	7.70	10.0	0.05	3.81MLN
ATS	12.10	10.0	0.01	700
CAN	49.50	10.0	0.01	600
L14	57.20	10.0	0.20	635900
MCF	12.20	9.9	0.01	213600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTL	10.00	-9.91	-0.01	6500
BAX	54.10	-9.68	-0.01	100
THS	15.00	-9.64	0.00	800
VTH	7.60	-9.52	0.00	600
GLT	18.40	-9.36	-0.01	200

Hình 2

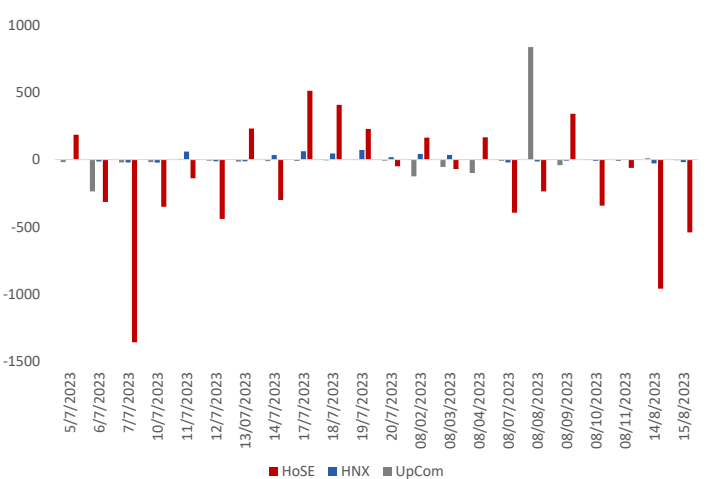
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Danh mục BSC30

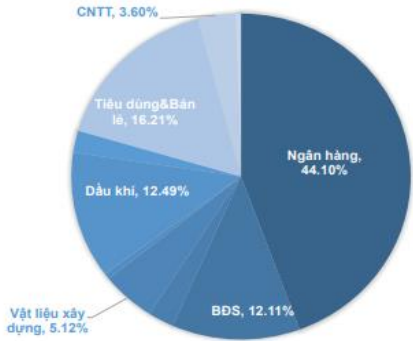
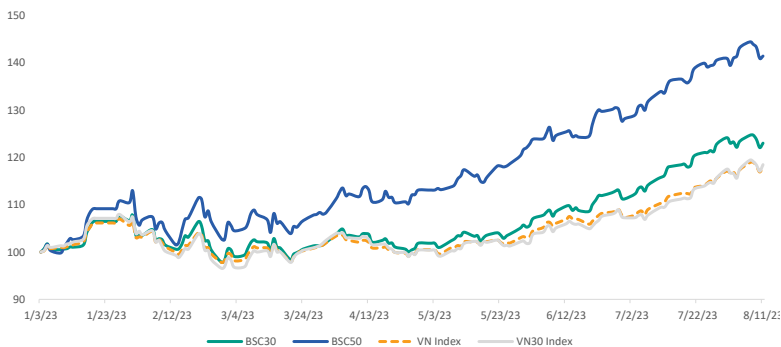
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	88.9	-0.1%	0.8	21,603	4.4	7,311	12.2	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	47.0	-1.3%	1.0	10,337	3.4	4,208	11.2	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	22.0	0.2%	1.1	6,421	17.5	3,972	5.5	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	34.1	0.7%	1.4	5,207	6.8	14,982	2.3	-	17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	19.0	0.0%	1.4	4,296	4.6	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	31.5	-1.3%	1.3	2,582	23.3	4,640	6.8	31,200	30.0%	Link
GVR	BĐS KCN	21.5	-0.5%	1.1	3,730	2.3	4,603	4.7	19,100	23.2%	Link
KBC	BĐS KCN	32.6	0.5%	1.6	1,088	14.3	4,880	6.7	34,000	29.2%	Link
IDC	BĐS KCN	49.3	0.8%	1.8	707	8.5			45,900	42.8%	Link
VGC	BĐS KCN	48.3	2.7%	1.8	941	3.9	1,217	39.6	-	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.0	-0.7%	1.0	7,066	21.8	1,916	14.6	23,300	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	61.7	0.8%	0.9	11,681	15.3	1,896	32.5	79,900	10.6%	Link
VRE	BĐS	31.3	3.3%	1.1	3,092	12.4	5,227	6.0	36,200	23.9%	Link
KDH	BĐS	36.0	-1.4%	0.4	1,122	2.0	1,576	22.8	35,900	32.5%	Link
NLG	BĐS	38.5	-0.8%	1.6	643	3.7	2,557	15.1	46,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	76.4	4.1%	1.5	1,262	20.9	14,120	5.4	85,000	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	41.5	1.2%	1.2	706	4.9	6,793	6.1	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	33.4	-0.6%	0.8	768	3.2	2,625	12.7	40,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	100.4	-0.2%	0.7	8,355	1.4	2,292	43.8	110,500	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.4	-0.5%	1.1	2,229	2.1	1,340	30.1	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.6	-1.1%	1.1	719	7.9	993	34.8	38,500	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.6	-0.4%	1.4	618	3.5	7,698	3.3	29,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.9	1.1%	1.1	1,415	7.6	3,895	3.6	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	72.8	-0.8%	1.2	6,615	7.0	2,605	27.9	81,700	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	82.4	0.2%	1.2	5,126	8.0	3,456	23.8	27,700	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	54.0	-0.4%	1.5	3,434	20.0	7,475	7.2	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.0	-0.5%	0.8	1,127	2.4	2,965	26.6	83,500	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	75.2	0.3%	1.2	600	2.2	12,800	5.9	90,900	30.5%	Link
GMD	Logistics	56.0	0.5%	0.6	734	1.5	7,059	7.9	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	84.0	1.7%	0.8	4,638	6.0	5,901	14.2	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.74%	-0.46%	-0.66%	-0.64%
1 tuần	0.43%	1.62%	1.11%	1.52%
1 tháng	14.01%	14.94%	11.42%	12.63%
3 tháng	19.69%	24.10%	16.61%	17.52%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.4	0.3%	1.1	6,770	7.3	3,636	8.9	1.3	27.2%	15.9%
ACB	Ngân hàng	22.9	-0.9%	1.0	3,859	6.4	3,723	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.1	-0.6%	0.9	2,144	1.3	2,765	6.2	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	18.9	0.3%	1.5	1,421	3.3	2,135	8.9	1.3	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	-0.5%	1.3	2,272	2.4	3,531	5.8	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	21.1	-1.4%	2.0	1,117	22.7	467	45.2	1.7	23.5%	3.8%
TPB	Ngân hàng	19.0	1.9%	1.1	1,819	9.9	2,697	7.0	1.4	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.7	-1.5%	1.7	1,871	16.5	1,096	26.2	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	22.2	-0.9%	1.9	274	9.2	42	530.6	1.1	8.4%	0.2%
C4G	Xây dựng	15.5	-0.6%	2.1	227	1.5	791	19.6	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	66.9	-0.6%	1.9	216	2.3	916	73.0	0.6	43.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	16.1	-0.3%	1.7	230	3.5	939	17.1	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	14.3	0.0%	2.1	117	4.1	492	28.9	1.1	3.1%	3.7%
BCM	KCN	73.2	-0.4%	0.9	3,294	0.8	388	188.9	4.4	2.7%	3.1%
HUT	KCN	27.0	-1.5%	1.6	409	3.6	152	178.2	2.4	1.9%	1.3%
PHR	KCN	50.7	-0.2%	1.4	299	0.7	6,557	7.7	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	37.9	-1.2%	1.9	197	1.1	1,393	27.2	2.8	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	20.6	2.5%	2.1	552	13.4	(2,105)		1.2	20.2%	-11.7%
HT1	Vật liệu	16.2	-2.1%	1.5	269	1.3	166	97.4	1.3	3.6%	1.2%
NKG	Vật liệu	20.4	0.5%	2.3	234	6.8	(2,875)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	54.7	-0.2%	1.1	159	0.5	5,293	10.3	1.4	17.1%	13.7%
KSB	Vật liệu	31.6	1.1%	1.7	105	3.4	1,291	24.5	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BĐS	20.8	-2.4%	1.1	1,759	44.8	(100)		1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BĐS	20.4	0.0%	2.3	541	22.3	(209)		1.3	18.4%	-1.4%
HDC	BĐS	37.0	-1.6%	1.6	217	7.7	2,189	16.9	2.7	2.0%	17.2%
DIG	BĐS	27.4	-0.4%	2.6	727	24.6	138	198.0	2.2	5.8%	1.1%
IJC	BĐS	16.7	-0.9%	2.1	183	1.4	1,491	11.2	1.1	5.7%	10.2%
BSR	Dầu khí	20.6	-1.0%	1.4	2,777	10.5	4,750	4.3	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.6	0.4%	1.2	332	2.8	3,018	7.8	1.1	13.9%	15.9%
PLC	Săm lốp	38.5	0.8%	1.8	135	0.2	1,202	32.0	2.4	1.2%	7.6%
DRC	Tiện ích	23.6	0.9%	1.2	122	0.4	1,971	12.0	1.6	11.5%	13.4%
REE	Tiện ích	63.3	-0.3%	0.8	1,125	1.6	6,452	9.8	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	23.0	1.8%	2.0	851	13.0	372	61.8	1.6	11.9%	2.5%
NT2	Tiện ích	29.7	0.2%	0.7	372	1.2	2,473	12.0	1.8	15.3%	15.6%
HDG	Tiện ích	31.3	-0.8%	1.7	416	2.5	2,687	11.6	1.7	23.8%	15.7%
PC1	Tiện ích	28.3	1.4%	1.3	333	2.1	926	30.6	1.5	5.6%	5.1%
GEG	Tiện ích	15.5	0.0%	1.1	229	1.0	845	18.3	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	11.9	-2.1%	2.2	275	7.2	(78)		0.9	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	157.3	-0.4%	0.1	4,386	1.0	6,863	22.9	4.2	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	49.3	1.4%	0.5	765	2.3	4,226	11.7	2.0	16.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	74.3	0.1%	1.5	440	1.8	(328)		5.9	32.7%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	54.0	-0.9%	2.0	392	4.0	3,066	17.6	3.5	23.6%	21.7%
DBC	Bán lẻ	26.2	0.4%	2.1	276	7.2	(48)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	27.9	0.7%	2.3	129	0.5	843	33.1			3.7%
BAF	Bán lẻ	22.2	1.6%		138	3.2	1,206	18.4	1.7	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	35.6	0.7%	1.6	206	1.3	2,092	17.0	1.6	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	35.4	0.7%	0.5	187	3.1	1,479	23.9	1.5	3.1%	6.4%
HAH	Logistics	33.8	0.6%	1.2	155	2.4	5,358	6.3	1.5	4.5%	25.5%
CTR	Công nghệ	73.0	1.0%	1.4	363	0.6	4,223	17.3	5.0	9.7%	31.9%
TNG	Dệt may	19.8	-1.0%	1.7	98	1.5	2,384	8.3	1.3	23.8%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_ Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Danh sách các báo cáo Cập nhật KQKD BSC đã phát hành gần đây

STT	MÃ CK	Ngày cập nhật	STT	MÃ CK	Ngày cập nhật	STT	MÃ CK	Ngày cập nhật
1	IJC	03/08/2023	7	DBC	04/08/2023	13	DPM	04/08/2023
2	DGC	03/08/2023	8	VCG	04/08/2023	14	VCG	04/08/2023
3	BSR	03/08/2023	9	TNG	04/08/2023	15	NLG	08/08/2023
4	PVT	03/08/2023	10	ELC	04/08/2023	16	BSR	10/08/2023
5	DCM	03/08/2023	11	NVL	04/08/2023	17	MWG	14/08/2023
6	VHC	02/08/2023	12	DXG	04/08/2023			

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639